TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:140/2019/HS-ST
Ngày: 14-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng.
Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và ông Nguyễn Văn Lệ.
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DC, tỉnh NA xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2019/QĐXXST-HS ngày 03/10/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: không); sinh ngày 01 tháng 3 năm 1996 tại huyện QL, NA; nơi cư trú: Xóm 4, xã QD, huyện QL, tỉnh NA; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962, con bà: Lê Thị T, sinh năm 1968; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/05/2019 đến ngày 01/07/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn G (tên gọi khác: không); sinh ngày 20 tháng 8 năm 1986 tại huyện QL, NA; nơi cư trú: Xóm 4, xã QD, huyện QL, tỉnh NA; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết), con bà: Chu Thị M, sinh năm 1951; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1992, con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không;Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/05/2019 đến ngày 05/06/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.
3. Họ và tên: Nguyễn Văn T1 (tên gọi khác: không); sinh ngày 23 tháng 12 năm 1987 tại huyện QL, NA; nơi cư trú: khối 3, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh NA; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1965, con bà: Lương Thị H, sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Ngày 05/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện DC xử phạt tù 15 tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng theo Bản án số 134/2015/HSST ngày 05/11/2015; Tiền sự: Ngày 29/3/2018, bị Công an huyện QL, tỉnh NA xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 85/QĐ-XPVPHC; Nhân thân: Năm 2005, Uỷ ban nhân dân tỉnh NA áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 3088 ngày 16/9/2015; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/05/2019 đến ngày 21/05/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

- anh Lê Văn B; Tên gọi khác: không; sinh năm 1986.(vắng mặt)

Trú tại: xóm 1, xã QH, huyện QL, tỉnh NA.

- chị Hồ Thị T; Tên gọi khác: không; sinh năm 1995. (vắng mặt)

Trú tại: xóm T, xã AH, huyện QL, tỉnh NA.

- chị Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: không; sinh năm 1992. (vắng mặt)

Trú tại: xóm 5, xã QT, huyện QL, tỉnh NA

- anh Nguyễn Văn Đ; Tên gọi khác: không; sinh năm 1976. (vắng mặt)

Trú tại: xóm 4, xã QHưng, huyện QL, tỉnh NA.

- chị Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: không; sinh năm 1982. (có mặt)

Trú tại: xóm 7A, xã QC, huyện QL, tỉnh NA.

- chị Đậu Thị H, Tên gọi khác: không; sinh năm 1973.(có mặt)

Trú tại: xóm 11 NL, xã DL, huyện DC.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- anh Dương Đình T, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Trú tại: thôn 7, xã DK, huyện DC, tỉnh NA.

- anh Nguyễn K, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Trú tại: xóm 9, xã QY, huyện QL, tỉnh NA.

- anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Trú tại: khối 7, phường MH, thị xã HM, NA.

- anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Trú tại: khối 16, phường QX, thị xã HM, NA.

- anh Lê Văn L, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Trú tại: xóm 7, xã Diễn P, DC, NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

***Vụ thứ nhất*:** Vào khoảng 10 giờ, ngày 17/6/2018, Nguyễn Ngọc T mang theo 01 (một) vam phá khóa hình chữ "T", đi xe ôm từ thị trấn Cầu Giát đến xã QH, huyện QL, với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. T xuống xe và đi bộ rẽ vào ngõ hẻm T phát hiện có 01 (một) xe máy đang dựng bên lề đường, không có người trông coi. T đến gần chiếc xe, dùng vam phá khóa bẻ khóa xe và lấy trộm chiếc xe máy trên. Sau khi trộm cắp được xe máy, T gọi điện cho Nguyễn Văn T nói *"em vừa ăn được con xe",* T trả lời *"đưa xe đến ốt cho anh".* Sau đó, T đem xe đó được đến ốt sửa chữa xe máy của T1 ở khối 3, thị trấn CG, huyện QL. Nguyễn Văn T1 và T thống nhất mua bán chiếc xe máy với giá 4.000.000đ. Sau khi mua xe của T, T1 bán chiếc xe trên cho một người đàn ông (họ tên, địa chỉ Tâm không biết) với giá 4.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DC kết luận: trị giá 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 37L1- 325.69, số khung: XDY-230013, số máy: C12E-5230145 là xe của anh Lê Văn B xe đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá là: 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện DC không thu hồi được xe, nhưng Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho cho chủ sở hữu. Hiện anh Lê Văn B không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 9/7/2018, Nguyễn Ngọc T mang theo 01 (một) vam phá khóa hình chữ "T", đi xe ôm từ thị trấn CGt đến xã Ah, huyện QL với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi qua Uỷ ban nhân dân xã An Hòa, huyện QL khoảng 01km thì T xuống xe. T đi bộ rẽ về phía bên phải khoảng 30 mét thì thấy có một ngôi nhà cấp 4, cửa cổng không khóa, bên trong sân nhà có dựng 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 37L1-347.07 của chị Hồ Thị T(sinh năm 1995, trú tại xóm, xã AH, huyện QL). T mở cửa cổng đi vào bên trong, dùng vam phá khóa bẻ khóa xe và lấy trộm chiếc xe máy trên. Trộm cắp được xe máy, T gọi điện cho Nguyễn Văn T1 nói "*em vừa ăn được con xe*", T1 trả lời *"đưa xe đến ốt cho anh".* Sau đó, T đi xe máy trộm được đến ốt sửa chữa xe máy của T1 ở khối 3, thị trấn CG, huyện QL. T1và T thống nhất mua bán chiếc xe máy với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Sau khi mua xe của T, T1 bán chiếc xe cho một người đàn ông (họ tên, địa chỉ Tâm không biết) với giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DC kết luận: trị giá 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 37L1- 347.07, số khung: 4DY-325425, số máy: C12E-5234553, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá là: 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện DC không thu hồi được xe, nhưng Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện bồi thường tương ứng với giá trị tài sản cho chủ sở hữu. Hiện chị Hồ Thị T không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 12/7/2018, Nguyễn Ngọc T mang theo 01 (một) vam phá khóa hình chữ "T", đi xe Bus từ nhà của mình đến xã QT, huyện QL với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến cổng chào xã QT, huyện QL thì T xuống xe và đi bộ qua cổng chào khoảng 500 mét rồi rẽ về

phía tay phải và đi tiếp khoảng 100 mét. Đến nhà chị Nguyễn Thị H(sinh năm 1992, trú tại xóm 5, xã QT, huyện QL), T quan sát thấy của cổng không khóa, không có ai ở nhà, bên trong sân nhà có dựng 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đỏ, biển kiểm soát 37L2- 074.39. T mở của cổng đi vào dùng vam phá khóa bẻ khóa xe và lấy trộm chiếc xe máy . Trộm cắp được xe máy, T gọi điện cho Nguyễn Văn T1 nói *em vừa ăn được con xe",* T1 trả lời *"đưa xe đến ốt cho anh"*. Sau đó, T đi xe máy trộm được đến ốt sửa chữa xe máy của T1 ở khối 3, thị trấn CG, huyện QL. T và T thống nhất mua bán chiếc xe máy trên với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). T bán lại chiếc xe cho anh Lê Văn L, sinh năm 1981, trú tại xóm 7, xã DP, huyện DC, tỉnh NA với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Anh L bán lại xe cho người đàn ông không biết tên và địa chỉ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DC kết luận: trị giá 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đỏ, biển kiểm soát 37L2- 074.39, số khung: RLHHC1253FY434982, số máy: HC12E7434412, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá là: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện DC không thu hồi được xe, nhưng Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện bồi thường tương ứng với giá trị tài sản cho chủ sở hữu. Hiện chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Ngọc T mang theo 01 (một) vam phá khóa hình chữ "T", đi đến ốt sữa chữa xe máy của Nguyễn Văn T1 ở khối 3, thị trấn CG, huyện QL chơi. Sau đó, T nhờ T chở xuống nhà bạn xã QH, huyện QL. T chở T xuống xóm 4, xã QH thì T xuống xe và nói T về trước còn T ở lại để chơi. T đi bộ đến một cửa hàng bán đồ gỗ thấy trước cửa hàng có dựng 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 37L1- 497.47, màu xanh đen bạc của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976, trú tại xóm 4, xã QH, huyện QL, không có người trông coi. T đi đến, dùng vam phá khóa bẻ khóa xe và lấy trộm chiếc xe máy. Trộm cắp được xe, T điều khiển xe chạy thẳng đến ốt sửa chữa xe máy của Nguyễn Văn T ở khối 3, thị trấn C G, huyện Q L nói *" em vừa ăn được con xe",* T hỏi *" xe mi ăn ở mô?",* T trả lời " *Em lấy trộm ở QH",* T1 nói tiếp *" mi xuống nhà người quen mà",* T trả lời *" Em xuống chơi, nhưng thấy con xe ngon nên ăn luôn"*. T xem xe và thống nhất mua chiếc xe máy trên với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Sau khi mua xe, T bán chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988, trú tại khối 7, phường MH, thị xã HM với giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, anh Nguyễn Trọng T bán chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1983, trú tại khối 16, phường QX, thị xã HM với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DC kết luận trị giá 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 37L1- 497.47, số khung: 1257FY130229, số máy: HC12E7130266, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi xe

và trả lại tài sản cho bị hại, anh Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Vụ thứ năm : Sáng ngày 22/4/2019, Nguyễn Ngọc T mang theo 01 (một) vam phá khóa hình chữ "T", đi xe Bus từ xã QD đến ngã ba T thuộc xã QC, huyện QL với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến xã QC, huyện QC thì T xuống xe và đi bộ vào đường liên thôn gần ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. T đi bộ khoảng 500 mét thấy một xưởng may, phía trước xưởng có dựng 04 (bốn) chiếc xe máy, không có người trông coi. T đi đến dùng vam phá khóa bẻ khóa xe và lấy trộm 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave@, biển kiểm soát 37L2- 044.27, màu đen bạc của chị Nguyễn Thị H(sinh năm 1982, trú tại xóm 7A, xã QC, huyện QL). Sau khi trộm cắp được xe máy, T gọi điện cho Nguyễn Văn T1 nói *"em vừa ăn được con xe",* T1 trả lời *"đưa đến ốt cho anh".* Sau đó, T đi xe máy trộm được đến ốt sửa chữa xe máy của T ở khối 3, thị trấn CG, huyện QL. T1và T thống nhất mua bán chiếc xe máy trên với giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua xe, T bán bộ máy của xe cho anh Dương Đình T, sinh năm 1971, trú tại thôn 7, xã DK huyện DCu, tỉnh NA với giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); phần còn lại của xe (gồm phần vỏ, khung xe và các phụ tùng khác), T bán cho anh Nguyễn K, sinh năm 1975, trú tại xóm 9, xã QY, huyện QL với giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện DC kết luận trị giá 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu đen bạc, biển kiểm soát 37L2- 044.27, số khung: 1250FY199862, số máy: HC12E7199995, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá là: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).(BL 255). Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi xe và trả lại tài sản cho bị hại, chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Vụ thứ sáu: Khoảng 07 giờ, ngày 03/5/2019, Nguyễn Văn G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 37B2- 732.33 chở Nguyễn Ngọc T đi từ xã QD lên xã QG, huyện QL, tỉnh NA để làm sơn. Trên đường đi, do trời mưa nên T nói với G "*trời mưa thì nghỉ đi*", G trả lời "*rứa thì để bác chở lên công trình ở xã Quỳnh Giang xem thợ làm*". Đến ngã tư xã QG, huyện QL, T rủ G *" hai bác cháu ta đi kiếm con xe bán lấy tiền tiêu*". G đồng ý và chở T đi từ xã QG sang xã DĐ, huyện DC rồi đi theo đường Quốc lộ 48 lên xã DL, huyện DC, tỉnh NA. Khi đi đến khu vực chợ T, thuộc xã DL, huyện DC, T nhìn thấy có 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave@, biển kiểm soát 37F1-903.67, màu đen bạc của chị Đậu Thị H (sinh năm 1973, trú tại xóm 11 NL, xã DL, huyện DC) đang dựng trước quán tạp hóa không có người trông coi. T nói với G *" Giờ ta xuống lấy trộm con ni bác này*", G đồng ý, T nói tiếp *"Bác tiến xe lên một đoạn để cháu xuống bẻ khóa",* G nói lại *"ừ, cháu đi đi*". Sau đó, G điều khiển xe lên trước một đoạn để cảnh giới, T đi bộ đến vị trí chiếc xe Wave @, dùng vam phá khóa hình chữ "T" mang theo sẵn trong túi quần bẻ khóa xe và phóng xe đi trước, còn G đi xe của G phía sau. Sau khi trộm cắp được xe máy, cả hai chạy về huyện QL, tỉnh NA. Khi về đến huyện QL, T dùng máy điện thoại của G gọi điện cho Nguyễn Văn T nói *"em làm được con xe Wave màu đên đây rồi*", T trả lời *"ừ,*

đưa xe đến ốt cho anh". Sau đó, T đi xe máy trộm được đến ốt sửa chữa xe máy của T ở khối 3, thị trấn CG, huyện QL. T và T thống nhất mua bán chiếc xe máy trên với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)(Tài chưa lấy tiền). Bán được xe, T nói với G *" xe anh Tâm cất rồi"*, sau đó T và G đi xe máy của G về nhà. Còn chiếc vam phá khóa T cất dấu ở ốt sữa chữa xe của T.

Đến ngày 04/5/2019, Nguyễn Văn T1 đến đầu thú và tự nguyện giao nộp chiếc xe máy nói trên cho Cơ quan điều tra Công an huyện DC, tỉnh NA.

Ngày 08/5/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện DC kết luận: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave@, biển kiểm soát 37F1-903.67, màu đen bạc, số khung: 1252FY395771, số máy: HC12E7395715 có trị giá tại thời điểm định giá là 11.900.000đ (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng). Hiện Cơ quan điều tra đã thu hồi xe và trả lại tài sản cho bị hại, chị Đậu Thị H không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 144/CT-VKSDC ngày 26/09/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện DC truy tố bị cáo Nguyễn Văn G đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 đã phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2018 đến ngày 03/5/2019, các bị can Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn G đã thực hiện 06 (sáu) vụ trộm cắp tài sản của nhiều người trên các địa bàn thuộc huyện DC và huyện QL, tỉnh NA với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 61.900.000 đồng(Sáu mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó, Nguyễn Ngọc T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 06 vụ với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 61.900.000 đồng; Nguyễn Văn G thực hiện trộm cắp tài sản cùng với T 01 vụ, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.900.000 đồng; Nguyễn Văn T1 tuy không hứa hẹn trước nhưng tiêu thụ 06(sáu) vụ tài sản trên do T và G phạm tội mà có.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định cáo trạng truy tố đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 15 đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập bị cáo từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng hàng tháng trong thời gian thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 6(sáu) đến 9 (chín) tháng tù.

Về dân sự: bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: 01 (một) thanh kim loại hình chữ "T", phần trên được gắn với thanh đứng bằng một lỗ tròn, phía dưới thanh đứng có hình ngũ giác dùng để gắn đầu lưỡi vam phá khóa là vật chứng không sử dụng được thì bị tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 37B2-732.33 của gia đình bị cáo Nguyễn Văn G nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn G.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave@, biển kiểm soát 37F1- 903.67, màu đen bạc, số khung: 1252FY395771, số máy: HC12E7395715 do Nguyễn Văn Tâm tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện DC. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đậu Thị H theo đúng quy định pháp luật nên không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 37L1- 497.47, số khung: 1257FY130229, số máy: HC12E7130266. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Đại theo đúng quy định pháp luật nên không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu đen bạc, biển kiểm soát 37L2-044.27, số khung: 1250FY199862, số máy: HC12E7199995. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H theo đúng quy định pháp luật nên không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

- Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 37L1-325.69; 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 37L1-347.07 và 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave& màu trắng đỏ, biển kiểm soát 37L2- 074.39; 03(Ba) chiếc xe máy này T đã bán cho những người không rõ tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và không tranh luận gì về tội danh.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện DC, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện DC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2018 đến ngày 03/5/2019, các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn G đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại đã lén lút dùng thanh kim loại hình chữ "T" để mở khóa xe máy của các bị hại trên và thực hiện 06 (sáu) vụ trộm cắp tài sản trên các địa bàn thuộc huyện DC và huyện QL, tỉnh NA với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 61.900.000 đồng(Sáu mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó, Nguyễn Ngọc T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 06 vụ với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 61.900.000 đồng; Nguyễn Văn G thực hiện trộm cắp tài sản cùng với T 01 vụ, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.900.000 đồng; Nguyễn Văn T1 tuy không hứa hẹn trước nhưng biết các tài sản do bị cáo T và G trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi bị cáo T1 đã mua các tài sản với mục đích bán cho người khác để kiếm lời. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với Bản kết luận định giá tài sản ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Diễn Châu và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Ngọc T** phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo **Nguyễn Văn G**phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo **Nguyễn Văn T1** phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo hành vi phạm tội là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo để điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về lỗi: các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo phạm tội lần này với lỗi cố ý đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T, trong quá trình điều tra tự thú thêm 03 hành vi trộm cắp xe máy, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có thành tích xuất sắc trong thời gian đi nghĩa vụ quân sự và bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s, v khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Nguyễn Văn G, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1, bị can đến đầu thú, tự thú thêm 03 hành vi tiêu thụ tài sản do Tài trộm cắp mà có; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cùng với gia đình khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại; trong thời gian sinh sống tại địa phương bị cáo T1đã có thành tích trong việc cung cấp nguồn tin về tội phạm được Cơ quan Công an tỉnh NA xác nhận là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s, t Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về vai trò các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn G đồng phạm phạm tội trộm cắp tài sản. Các bị cáo đều trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Ngọc T là người khởi xướng, rủ bị cáo Giảng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Ngọc T6 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Nguyễn Văn G 01 lần thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy bị cáo Nguyễn Ngọc T vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, vừa là người khởi xướng trong suốt quá trình phạm tội nên bị cáo Nguyễn Ngọc T có vai trò cao nhất đối với việc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

[6] Về hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T là người có vai trò cao nhất, tích cực thực hiện hành vi phạm tội, phạm tội nhiều lần nên nhất thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văng G thực hiện 01 hành vi phạm tội, hành vi phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng nên chưa nhất thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng nên nhất thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[6] Xử lý vật chứng: 01 (một) thanh kim loại hình chữ "T", phần trên được gắn với thanh đứng bằng một lỗ tròn, phía dưới thanh đứng có hình ngũ giác dùng để gắn đầu lưỡi vam phá khóa là vật chứng không sử dụng được nên áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 37B2-732.33 của gia đình bị cáo Nguyễn Văn G nên áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã bồi thường xong. Tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền mà bị cáo T thu được khi bán xe cho T. Bị cáo T đã bồi thường cho bị hại và giữa bị cáo T và T đã tự giải quyết với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 173 điểm b, r, s, v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/05/2019 đến ngày 01/07/2019.

Căn cứ vào khoản 1 điều 323 điểm b, r, s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T1 6 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/05/2019 đến ngày 21/05/2019.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173 điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn G 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam 1(một) tháng 01(một) ngày bằng 3 (ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã QD, huyện QL, tỉnh NA nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ thu nhập của Nguyễn Văn G mỗi tháng 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Thời gian khấu trừ thu nhập tương ứng với thời gian cải tạo không giam giữ. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng trong thời gian thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Giảng cho UBND xã QD, huyện QL, NA để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã QD, huyện QL, tỉnh NA trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh kim loại hình chữ "T", phần trên được gắn với thanh đứng bằng một lỗ tròn, phía dưới thanh đứng có hình ngũ giác dùng để gắn đầu lưỡi vam phá khóa.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Giảng 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 37B2-732.33, số khung 18068Y635850, số máy JF18E5238332.

Vật chứng được bảo quản tại Chi cục thi hành án DC theo Phiếu nhập kho số NK00127 ngày 27/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DC, NA.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- CA huyện Diễn Châu;
- CCTHA Dân sự huyện Diễn Châu;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; bị hại,
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

Nguyễn Danh Hùng